

Tăng tỷ trọng

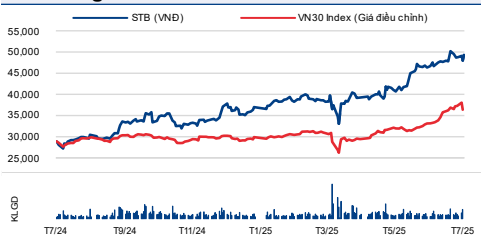
Giá mục tiêu: VNĐ50,100

Tiềm năng tăng/giảm: 1.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2025)	49,300
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	27,200-50,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	48,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	92,941
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,547
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	128
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	ng Dương Công Minh (3.32%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	748	840	956
Dư nợ cho vay (ntđ)	539	620	713
Tổng thu nhập HD (ntđ)	28.7	34.3	40.3
Lợi nhuận thuần (ntđ)	10.1	11.7	14.5
BVPS (đồng)	29,160	34,873	41,650
EPS (đồng)	5,351	6,184	7,700
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	11.7	15.0	15.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	9.57	19.6	17.4
Tăng trưởng EPS (%)	30.7	15.6	24.5
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	20.0	19.3	20.1
ROAA (%)	1.42	1.47	1.62
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.73	3.76
Tỷ lệ CIR (%)	48.8	45.5	42.6
Hệ số CAR (%)	10.1	10.3	10.6
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.40	2.10	1.90
LLR/nợ xấu (%)	68.4	77.1	80.7
Hệ số LDR (%)	95.1	96.8	97.2
P/B (lần)	1.69	1.41	1.18
P/E (lần)	9.21	7.97	6.40
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q2/2025: LNTT tăng 36%, sát với dự báo

- LNTT Q2/2025 của STB đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước) nhờ tổng thu nhập hoạt động vững chắc (tăng 8% so với cùng kỳ) và chi phí hoạt động giảm xuống (giảm 20% so với cùng kỳ), trong khi chi phí dự phòng tăng 96% so với cùng kỳ. LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ), hoàn thành 50% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng vững chắc 9% so với đầu năm trong khi tỷ lệ NIM giảm nhẹ xuống 3,63%. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu vẫn duy trì ở mức 2,46%.
- STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,41 lần, cao hơn 8% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025 vào ngày 30/7/2025

STB đã công bố KQKD Q2/2025 vào ngày 30/7/2025 với LNTT đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước, sát với dự báo của chúng tôi. Trong đó, doanh thu tăng trưởng vững chắc 8% so với cùng kỳ và chi phí hoạt động giảm đáng kể 20% so với cùng kỳ, nhưng bị bù trừ một phần do chi phí dự phòng tăng mạnh 96% so với mức thấp trong Q2/2024.

Tổng LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ), hoàn thành 50% dự báo cả năm 2025 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Tín dụng & tiền gửi tăng trưởng ổn định

Tín dụng tăng trưởng 9% so với đầu năm (tăng 4,4% so với quý trước) đạt 588 nghìn tỷ đồng nhờ tất cả các phân khúc bán lẻ, DNNVV và doanh nghiệp lớn. Mức tăng trưởng này gần tương đương tăng trưởng bình quân 3 năm gần nhất ở mức 11,6%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2025, STB

LNTT 6 tháng đầu năm 2025 của STB hoàn thành 50% kế hoạch cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi

(Tỷ đồng)	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	6,117	6,585	8%	12,067	13,448	11%	47%
Thu nhập ngoài lãi	1,038	1,184	14%	1,962	2,118	8%	38%
Lãi thuần HD dịch vụ	681	919	35%	1,259	1,647	31%	45%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	306	227	-26%	613	534	-13%	42%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	17	2	-90%	39	3	-92%	5%
Thu nhập khác	34	27	-21%	51	(76)	-	-15%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	9	-	-	9	-	47%
Tổng thu nhập HD	7,154	7,769	9%	14,029	15,566	11%	45%
Chi phí HD	(4,001)	(3,200)	-20%	(7,544)	(7,127)	-6%	46%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,153	4,570	45%	6,485	8,439	30%	45%
Chi phí dự phòng	(465)	(912)	96%	(1,143)	(1,108)	-3%	27%
LNTT	2,688	3,657	36%	5,342	7,331	37%	50%
Lợi nhuận thuần	2,177	2,894	33%	4,288	5,790	35%	50%

Nguồn: STB, HSC

Vốn huy động tăng trưởng đạt 10,1% so với đầu năm (tăng 6,8% so với quý trước) lên 624 nghìn tỷ đồng, trong khi vốn huy động LNH (giảm 14% so với đầu năm) và giấy tờ có giá (đi ngang so với quý trước) lần lượt ở mức 61 nghìn tỷ đồng và 36 nghìn tỷ đồng. STB tiếp tục giữ vị thế cho vay rộng trên thị trường với giá trị cho vay tăng gấp đôi lên 40 nghìn tỷ đồng tính đến cuối Q2/2025. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn ổn định ở mức 17,7%, tăng nhẹ từ 17,5% tại thời điểm cuối Q1/2025.

Tỷ lệ NIM thu hẹp do tín dụng tăng trưởng nhanh

Tỷ lệ NIM giảm 18 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 7 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 3,63% trong Q2/2025 chủ yếu do lãi suất cho vay giảm 16 điểm cơ bản (xuống 7,42%) và chi phí huy động tăng 4 điểm cơ bản (lên 4,05%). Tỷ lệ NIM sụt giảm trong bối cảnh áp lực cạnh tranh gia tăng và STB đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong nửa đầu năm 2025. Tỷ lệ NIM được kỳ vọng sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2025 nhờ nhu cầu tín dụng tiếp tục phục hồi.

Thu nhập lãi thuần 6 tháng đầu năm 2025 đạt 13,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ và hoàn thành 47% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng vững chắc nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ mạnh mẽ

Thu nhập ngoài lãi tăng 14% so với cùng kỳ trong Q2/2025 đạt 1.184 tỷ đồng nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 35% lên 919 tỷ đồng trong khi lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 26% so với cùng kỳ xuống 227 tỷ đồng (do đồng USD mạnh lên đã ảnh hưởng HĐKD ngoại hối của STB). Đối với lãi thuần HĐ dịch vụ, Ngân hàng vẫn chưa công bố cơ cấu chi tiết trong quý nhưng chúng tôi kỳ vọng hoa hồng bancassurance và phí dịch vụ thanh toán sẽ phục hồi.

Thu nhập khác và lãi mua bán trái phiếu chỉ lần lượt ở mức 27 tỷ đồng và 2 tỷ đồng trong Q2/2025, không đạt dự báo của chúng tôi.

Chi phí hoạt động giảm từ mức nền cao

Tổng chi phí hoạt động giảm 20% so với cùng kỳ (giảm 19% so với quý trước) xuống 3.200 tỷ đồng trong Q2/2025. Trong đó, chi phí lao động tăng 4% so với cùng kỳ lên 2.039 tỷ đồng trong khi chi phí liên quan đến tài sản đi ngang so với cùng kỳ ở mức 663 tỷ đồng. Đáng chú ý, số lượng lao động đã giảm 9% so với cùng kỳ xuống 16.860 người, phản ánh sáng kiến cắt giảm nhân sự chủ động và khả năng cắt giảm chi phí lao động trong thời gian tới.

Trong kỳ, chi phí bảo hiểm cho tiền gửi khách hàng ở mức rất thấp, chỉ 3 tỷ đồng, có thể do STB đã trích lập dự phòng đáng kể trong Q1/2025 (348 tỷ đồng). Ngoài ra, Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu trong Q2/2025, so với 438 tỷ đồng trong Q2/2024, sau khi các khoản phải thu cũ đã được xử lý vào năm 2024.

Do đó, hệ số CIR trong quý đã cải thiện lên 41,1% từ 50,4% trong Q1/2025.

Chất lượng tài sản gần như không đổi

Đối với chất lượng tài sản ở mảng ngân hàng cốt lõi, tỷ lệ nợ xấu của STB giảm nhẹ xuống 2,46% trong Q2/2025 (từ 2,51% trong Q1/2025), vẫn tương đối cao. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm từ 0,79% xuống 0,73%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR ổn định ở mức 75% tại thời điểm cuối Q2/2025.

Nợ xấu mới hình thành trong Q2/2025 là 250 tỷ đồng, cải thiện so với Q1/2025 (1.193 tỷ đồng). Trong khi đó, STB đã xử lý 583 tỷ đồng nợ xấu trong Q2/2025 và giúp nợ xấu giảm nhẹ trong quý.

Chi phí dự phòng tăng gần gấp đôi so với mức nền rất thấp trong Q2/2024 lên 912 tỷ đồng. Chi phí dự phòng 6 tháng đầu năm 2025 chỉ tương đương 27% dự báo cả năm của chúng tôi. Để giảm tỷ lệ nợ xấu ở mảng ngân hàng cốt lõi và nâng cao chất lượng lợi nhuận, HSC cho rằng Ngân hàng sẽ cần tiếp tục đẩy mạnh xử lý nợ xấu trong nửa cuối năm 2025.

Đối với tỷ lệ nợ xấu ở tài sản tồn đọng của STB, số dư VAMC ròng gần như đi ngang so với quý trước ở mức 1.618 tỷ đồng, tương đương 0,21% tổng tài sản của Ngân hàng. HSC nhận thấy yếu tố chính giúp xử lý số dư VAMC này sẽ đến từ thương vụ đấu giá 32,5% cổ phần của ông Trầm Bê, dự kiến diễn ra vào cuối năm 2025.

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu, dự báo và khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu tăng 26% trong 3 tháng qua, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,41 lần, cao hơn 8% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần.

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu, dự báo và khuyến nghị.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	55.9	50.0	61.3	72.1	83.0
Chi phí lãi	(33.9)	(25.5)	(32.5)	(38.9)	(44.5)
Thu nhập lãi thuần	22.1	24.5	28.8	33.2	38.5
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.62	2.98	3.66	4.50	5.58
Lãi thuần HĐ KDNH	1.10	1.11	1.27	1.46	1.68
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.03	0.06	0.06	0.07	0.07
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.02	0.00	0.02	0.02	0.02
Thu nhập khác	0.33	0.00	0.50	0.98	1.18
Tổng thu nhập HĐ	26.2	28.7	34.3	40.3	47.1
Chi phí HĐ	(12.9)	(14.0)	(15.6)	(17.1)	(18.8)
LN trước dự phòng	13.3	14.7	18.7	23.1	28.3
Chi phí dự phòng	(3.69)	(1.97)	(4.13)	(4.99)	(6.25)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9.60	12.7	14.6	18.1	22.0
Chi phí thuế TNDN	(1.88)	(2.63)	(2.91)	(3.63)	(4.40)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7.72	10.1	11.7	14.5	17.6
EPS (đồng)	4,094	5,351	6,184	7,700	9,335
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7.55	8.21	8.97	8.80	8.43
Tiền gửi tại NHNN	12.8	17.6	12.5	10.0	8.83
Tiền gửi tại các TCTD khác	50.3	88.2	95.3	103	111
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	475	530	610	702	808
Tổng dư nợ cho vay	483	539	620	713	820
Dự phòng rủi ro	(7.56)	(8.87)	(10.0)	(10.9)	(11.9)
Chứng khoán đầu tư	74.6	85.6	93.6	112	129
CK đầu tư sẵn sàng để bán	22.6	23.6	28.3	33.9	39.0
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66.7	75.4	80.4	93.5	105
Dự phòng rủi ro	(14.6)	(13.3)	(15.1)	(15.1)	(15.1)
Đầu tư dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	7.27	7.36	7.58	7.80	8.04
Tài sản khác	46.5	10.5	11.4	12.2	13.0
Tổng tài sản	674	748	840	956	1,087
Nợ phải trả	629	693	774	878	993
Tiền gửi của NHNN	0.02	0.05	0.06	0.06	0.06
Tiền gửi của các TCTD khác	38.0	70.7	77.7	88.6	94.8
Tổng tiền gửi KH	511	567	641	733	843
Trái phiếu và CCTG	29.0	36.8	38.6	40.5	40.5
Nợ khác	50.5	18.3	16.4	14.8	14.1
Vốn chủ sở hữu	45.7	55.0	65.7	78.5	93.7
Vốn điều lệ	18.9	18.9	18.9	18.9	18.9
Thặng dư vốn cổ phần	1.75	1.75	1.75	1.75	1.75
Lợi nhuận giữ lại	20.4	28.4	37.2	47.8	60.3
Quỹ & vốn khác của CSH	4.75	5.94	7.96	10.1	12.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	674	748	840	956	1,087
BVPS (đồng)	24,259	29,160	34,873	41,650	49,678

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.9	10.9	12.2	13.9	13.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.1	11.7	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.3	11.0	13.0	14.5	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.3	11.8	12.5	14.0	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.2	19.6	19.4	19.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.7	11.1	17.3	15.5	15.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.6	8.48	11.6	9.84	9.84
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(12.5)	10.6	27.2	23.7	22.1
Tăng trưởng LNTT (%)	51.4	32.6	14.6	24.5	21.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	53.1	30.7	15.6	24.5	21.2
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.13	4.03	4.32	4.48	4.61
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.97)	(1.97)	(1.91)	(1.84)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.4	94.4	97.3	98.4	98.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.35	1.41	1.61	1.80	2.00
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	14.0	18.2	21.1	26.3	31.8
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	12.0	9.21	7.97	6.40	5.28
P/B (lần)	2.03	1.69	1.41	1.18	0.99
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.5	35.2	34.0	36.0	37.4
ROAA (%)	1.22	1.42	1.47	1.62	1.72
ROAE (%)	18.3	20.0	19.3	20.1	20.4
Chi phí huy động BQ (%)	6.17	4.07	4.54	4.80	4.83
Lợi suất góp BQ (%)	9.56	7.44	7.94	8.16	8.22
Lợi suất thuần (%)	3.39	3.38	3.39	3.36	3.39
Tỷ lệ NIM (%)	3.77	3.65	3.73	3.76	3.82
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.0	10.4	10.7	11.2	11.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.3	85.5	83.9	82.5	81.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.67	4.07	5.41	6.29	6.27
Tỷ lệ CIR (%)	49.2	48.8	45.5	42.6	40.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.11	10.1	10.3	10.6	11.0
VCSH/Tổng TS (%)	6.78	7.35	7.83	8.21	8.62
Đòn bẩy vốn (lần)	14.7	13.6	12.8	12.2	11.6
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.28	2.40	2.10	1.90	1.70
Hệ số LLR (%)	68.8	68.4	77.1	80.7	85.1
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	94.5	95.1	96.8	97.2	97.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	6.57	10.5	10.3	10.3	9.69
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.6	72.1	73.9	74.6	75.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	19,358	20,326	21,342	22,409	23,530

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn